

Bài giảng 5

Tổng quan khủng hoảng tài chính

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright
Học kỳ Hè 2013

Đỗ Thiên Anh Tuấn

1

Nội dung trình bày

- Tổng quan về khủng hoảng tài chính
- Khủng hoảng tài chính sv. khủng hoảng kinh tế
- Đo lường khủng hoảng tài chính
- Tóm lược lịch sử khủng hoảng tài chính
- Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính

2

Tổng quan về khủng hoảng tài chính

- Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế
- Thế giới phẳng
- Dòng vốn quốc tế tăng nhanh và khó dự báo
- Tính phụ thuộc và gắn kết giữa các thị trường tài chính
- Tính phức tạp trong cấu trúc tài chính
- Sự “cách tân” trong các tài sản tài chính
- Sự yếu kém của hệ thống thể chế: điều tiết, giám sát, dự báo
- Khủng hoảng quy mô lớn, tần suất cao và khả năng lây lan rộng

3

Khủng hoảng tài chính sv. khủng hoảng kinh tế

- **Khủng hoảng tài chính:** trạng thái sụt giảm mạnh trong ngắn hạn về giá trị của các tài sản tài chính, các tổ chức tài chính, và sự đổ vỡ của hệ thống tài chính
- **Khủng hoảng kinh tế:** trạng thái kinh tế dài hạn được đặc trưng bởi tình trạng thất nghiệp, giảm phát và sự suy giảm sản xuất, tiêu dùng và đầu tư trong nền kinh tế

4

Phân biệt khủng hoảng kinh tế

Đình trệ (stagnation):
tăng trưởng dương nhưng chậm và duy trì trong thời gian dài

Sự suy thoái (recession):
tăng trưởng âm liên tục trong hai hoặc ba quý

Đại suy thoái (depression):
một sự suy thoái nặng nề và kéo dài

5

Một vài đặc tính so sánh giữa khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế

Khủng hoảng tài chính	Khủng hoảng kinh tế
Nền kinh tế tiền tệ	Nền kinh tế thực
Liên quan đến cấu trúc tài chính	Liên quan đến cấu trúc nền kinh tế
Mức giá tài sản tài chính (S&P 500, NYSE...)	Sản lượng (GDP)
Đầu tư tài chính	Đầu tư thực
Bong bóng giá tài sản (chứng khoán, bất động sản)	Mức giá chung của nền kinh tế (lạm phát, CPI...)
Sự sụp đổ các định chế tài chính	Suy giảm sản lượng, thất nghiệp, đình trệ sản xuất, tồn kho
Dòng chu chuyển vốn quốc tế (FDI, FII, vay nợ quốc tế...)	Quan hệ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ
Tác động đến nền kinh tế thực	Tác động đến nền kinh tế tiền tệ

6

Các loại khủng hoảng tài chính

- ❑ Khủng hoảng tiền tệ (cán cân thanh toán)
- ❑ Khủng hoảng ngân hàng
- ❑ Khủng hoảng nợ [quốc gia]
- ❑ Khủng hoảng kép
- ❑ Khủng hoảng “bong bóng” tài sản
- ❑ Khủng hoảng nợ dưới chuẩn
- ❑ Khủng hoảng nợ công

7

Dấu hiệu trước cuộc khủng hoảng

- ❑ Tự do hóa tài chính
- ❑ Tự do hóa tài khoản vốn
- ❑ Tỷ giá được cố định hay gần như cố định
- ❑ Sự yếu kém của hệ thống tài chính, nhất là các ngân hàng trong nước
- ❑ Tăng trưởng quá nóng của thị trường chứng khoán, bất động sản
- ❑ Hệ thống thể chế, giám sát không theo kịp sự cách tân của thị trường tài chính

8

Một số chỉ báo: lý thuyết

Chỉ báo	CC	BC	DC	Tham khảo
Tài khoản vãng lai				
Tỷ giá hối đoái thực	+	+		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg and Pattillo (1999); Kamin <i>et al.</i> (2001); Edison (2003); Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (2000); Eichengreen và Arteta (2000)
Tăng trưởng xuất khẩu	-		-	Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003); Marchesi (2003)
Tăng trưởng nhập khẩu	+			Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Điều khoản thương mại	-	-	-	Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Kamin <i>et al.</i> (2001); Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (2000); Lanoie và Lemarbre (1996)
Tài khoản vãng lai so với GDP	-	-	-	Berg và Pattillo (1999); Kamin <i>et al.</i> (2001); Eichengreen và Arteta (2000); Lanoie và Lemarbre (1996); Marchesi (2003)
Tài khoản vốn				
M2 so với dự trữ ngoại tệ	+	+		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Kamin <i>et al.</i> (2001); Edison (2003); Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (2000); Eichengreen và Arteta (2000)
Tốc độ tăng dự trữ ngoại tệ	-		-	Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003); Marchesi (2003)
Lãi suất thực nội địa	+	+		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003); Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (2000)
Chênh lệch lãi suất huy động và cho vay	+			Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Tiền gửi ngân hàng thương mại	-			Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Dự trữ so với tài sản ngân hàng		-		Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (1997)

9

Một số chỉ báo: lý thuyết

Khu vực tài chính				
Tốc độ tăng M1 và M2	+			Kamin <i>et al.</i> (2001)
Số tiền tệ M2	+			Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Tỷ lệ tín dụng nội địa so với GDP	+	+		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003); Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (2000); Eichengreen và Arteta (2000)
Lãi suất thực nội địa	+	+		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003); Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (2000)
Chênh lệch lãi suất huy động và cho vay	+			Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Tiền gửi ngân hàng thương mại	-			Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Tỷ lệ dự trữ so với tài sản của ngân hàng			-	Dermirgüç, -Kunt và Detragiache (1997)

10

Một số chỉ báo: lý thuyết

Khu vực công			
Thâm hụt ngân sách so với GDP		+	Dermirgüç-Kunt và Detragiache (2000); Eichengreen và Arteta (2000)
Tỷ lệ giữa nợ công so với GDP	+	+	Kamin <i>et al.</i> , (2001); Lanoie và Lemarbre (1996); Eichengreen và Arteta (2000)
Tăng trưởng sản xuất công nghiệp	-		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Thay đổi giá cổ phiếu	-		Kaminsky <i>et al.</i> (1998); Berg và Pattillo (1999); Edison (2003)
Lạm phát		+	Dermirgüç-Kunt và Detragiache (1997); Lanoie và Lemarbre (1996); Marchesi (2003)
GDP đầu người		-	Dermirgüç-Kunt và Detragiache (1997); Eichengreen và Arteta (2000); Lanoie và Lemarbre (1996); Marchesi (2003)
Tăng trưởng tiết kiệm quốc gia		-	Lanoie và Lemarbre (1996)

Nguồn: Lestano, Jan Jacobs và Gerard H. Kuper (2003)

11

Một số chỉ báo: thực nghiệm

Indicator	KLR(1998)	BP(1999)	KSS(2001)	E(2003)	DKD(2000)	EA(2000)	LL(1996)	M(2003)
	CC	CC	CC	CC	BC	BC	DC	DC
<i>External sector (current account)</i>								
Real exchange rate	*	*	*	*	o	o		
Export growth	*	*		*				o
Import growth	o	o		o				
Terms of trade	o	o	*		o		o	
Ratio of the current account to GDP		*	*			o	*	o
<i>External sector (capital account)</i>								
Ratio of M2 to foreign exchange reserves	*	*	*	*	*	o		
Growth of foreign exchange reserves	o	*		o				o
<i>Financial sector</i>								
M1 and M2 growth			*					
M2 money multiplier	o	o		o	*	*		
Ratio of domestic credit to GDP	o	o			*	*		
Excess real M1 balance	o	o		o				
Domestic real interest rate	o	o		o	*			
Lending and deposit rate spread	o	o		o				
Commercial bank deposits	o	o		o				
Ratio of bank reserves to bank assets					o			
<i>Domestic real and public sector</i>								
Ratio of fiscal balance to GDP					o	*		
Ratio of public debt to GDP			*			o	o	
Growth of industrial production	*	o		o				
Changes in stock prices	*	o		o				
Inflation rates					*		o	o
GDP per capita					*	o	*	o
National saving growth							o	

Nguồn: Lestano, Jan Jacobs và Gerard H. Kuper (2003)

12

Đo lường khủng hoảng tài chính

- Sự sụt giảm giá chứng khoán
- Sự đổ vỡ bong bóng giá bất động sản
- Sự phá giá tiền tệ
- Sự suy giảm dự trữ ngoại tệ
- Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng
- Mất khả năng trả nợ của khu vực công
- Thâm hụt cán cân thanh toán nghiêm trọng

13

Khủng hoảng tiền tệ

- Eichengreen, Rose, Wyplosz (1995, 1996): chỉ số tổng hợp (gồm tỷ giá hối đoái danh nghĩa, dự trữ ngoại tệ, lãi suất) thay đổi vượt quá 1,5 đến 2 độ lệch chuẩn
- Frankel và Rose (1996): giảm giá tiền tệ ít nhất 10% so với năm trước
- Liu và Lindholm (2007): thâm hụt tài khoản vãng lai vượt 5% GDP
- Kaminsky, Lizondo và Reinhart (1998): mức dự trữ ngoại tệ dưới 3 tháng nhập khẩu

14

Khủng hoảng ngân hàng

- Dermirgüç-Kunt và Detragiache (1998): tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ vượt hơn 10% hoặc chi phí để giải cứu lớn hơn 2% GDP
- Luc L. và Fabian V. (2008): lượng tiền gửi bị rút khỏi ngân hàng ở mức cao trên 5% một tháng
- Caprio và Klingebiel (1996): vốn của hệ thống ngân hàng trong một nước bị xói mòn và chi phí chống khủng hoảng quá cao thì xác suất khủng hoảng là rất cao.
- Lindgren, Garcia và Saal (1996): hàng loạt ngân hàng vỡ nợ, các công ty tài chính sụp đổ và phải cần đến sự can thiệp của chính phủ

15

Khủng hoảng nợ quốc gia

- Berg và Sachs (1988), Lee (1991): khủng hoảng xảy ra khi tình trạng giãn hoặc giảm nợ phổ biến.
- Mc Fadden et al. (1985) và Hajivassiliou (1989, 1994): dựa vào ba sự kiện như tình trạng giãn nợ, nợ quá hạn, và sự trợ giúp của IMF ngày càng tăng

16

Ngưỡng an toàn về nợ nước ngoài dựa trên nghiên cứu thực nghiệm

(Đánh giá theo sức mạnh thể chế và chất lượng chính sách)

	Kém	Trung bình	Mạnh
NPV của nợ so với GDP	30%	45%	60%
NPV của nợ so với xuất khẩu	100%	200%	300%
NPV của nợ so với doanh thu thuế	150%	200%	250%
Dịch vụ nợ so với xuất khẩu	15%	25%	35%
Dịch vụ nợ so với doanh thu thuế	20%	30%	40%

Nguồn: IMF và WB, *Debt Sustainability in Low-Income Countries - Proposal for an Operational Framework and Policy Implications*, tháng 2/2004.

17

Lịch sử khủng hoảng tài chính

- Dominique Plihon (2008): phân chia khủng hoảng tài chính làm 4 thời kỳ:
 - Thời bản vị vàng (thế kỷ 1870 đến 1914),
 - Thời giữa hai cuộc Đại thế chiến (1914 – 1944),
 - Thời Bretton Woods (1944 – 1971), và
 - Thời hậu Bretton Woods (từ 1971 đến nay).
- Nghiên cứu của Luc Laeven và Fabian Valencia (2008): thời kỳ 1970 đến 2007
 - 124 cuộc khủng hoảng ngân hàng có hệ thống,
 - 208 cuộc khủng hoảng tiền tệ,
 - 63 cuộc khủng hoảng nợ quốc gia.

18

Một số cuộc khủng hoảng tài chính điển hình

- Cơn sốt hoa Tulip ở Hà Lan 1637
- Công ty Nam Dương (South Sea Company) ở Anh 1720
- Đại suy thoái và “ngày thứ Ba đen tối” ở Mỹ 1929
- Khủng hoảng nợ ở các nước Mỹ la tinh đầu thập niên 1980
- “Ngày thứ Hai đen tối” 19/10/1987
- Tấn công đầu cơ Cơ chế Tỷ giá châu Âu 1992 – 1993
- Khủng hoảng ở Mexico 1994 – 1995
- Khủng hoảng Đông Á 1997 – 1998
- Khủng hoảng ở Argentina 2001 – 2002
- Khủng hoảng tài chính toàn cầu từ 2007
- Khủng hoảng nợ của Eurozone 2010 - 2012

19

Nguyên nhân khủng hoảng tài chính

- Sự hoảng loạn tài chính
- Thông tin không cân xứng
- Bong bóng giá và nợ
- Các bổ sung chiến lược trên thị trường tài chính
- Sử dụng đòn bẩy
- Sự không tương thích giữa nợ và tài sản
- Sự không chắc chắn và hành vi bầy đàn
- Các thất bại của hệ thống điều tiết, giám sát
- Sự lừa dối
- Sự lây bệnh
- Các tác động của suy thoái kinh tế

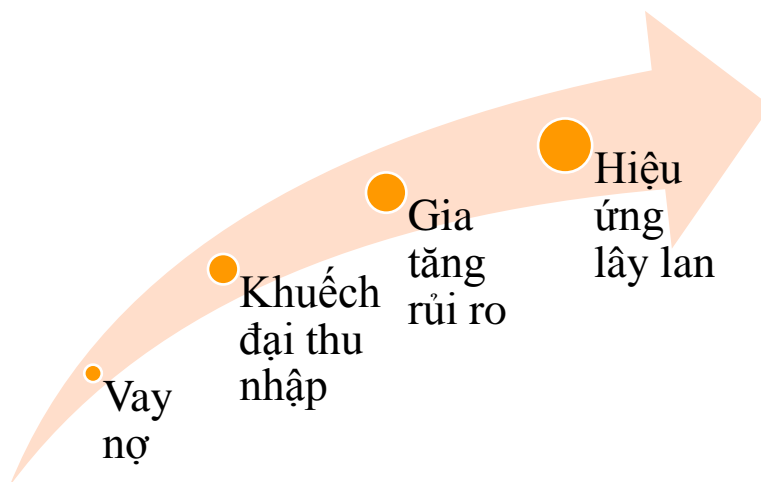
20

Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính: sự bổ sung chiến lược

- George Soros (1994): sự phản xạ (reflexivity)
- J. M. Keynes (1936): trò chơi cuộc thi sắc đẹp (beauty contest game)
- Bulow, Geanakoplos, Klemperer (1985): sự bổ sung chiến lược (strategic complementarities): động cơ bắt chước chiến lược của người khác
- Cooper và A. John (1988): lời tiên tri tự phát sinh (self-fulfilling prophecies)

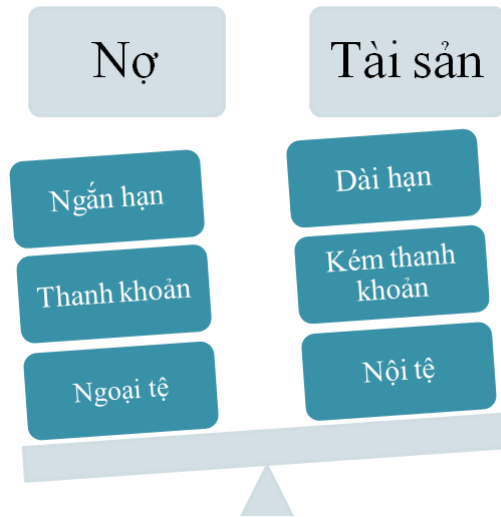
21

Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính: sử dụng đòn bẩy tài chính



22

Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính: sự không tương thích giữa nợ và tài sản



23

Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính: sự lừa dối

- Tài chính Ponzi
- Thông tin bất cân xứng (AI): rủi ro đạo đức (MH), vấn đề ủy quyền-thừa hành (AP), lựa chọn bất lợi (AS)

24

Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính: sự không chắc chắn và tâm lý bầy đàn

- ❑ Các kỹ thuật tài chính xa lạ: hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng (CDS)
- ❑ Các cách tân về công nghệ: dot.com
- ❑ Tâm lý bầy đàn (herd behavior)

25

Câu hỏi ôn tập

- ❑ Phân biệt khủng hoảng tài chính với khủng hoảng kinh tế
- ❑ Nhận dạng một số loại khủng hoảng tài chính
- ❑ Đo lường và đánh giá khủng hoảng tài chính
- ❑ Hiểu về lịch sử của một số cuộc khủng hoảng tài chính điển hình
- ❑ Các nguyên nhân cơ bản của khủng hoảng tài chính

26